

**LÃI SUẤT CHO VAY CƠ BẢN (“BLR”) ÁP DỤNG ĐỐI VỚI  
KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP**

**Ngày hiệu lực: 20/01/2026**

Trong trường hợp lãi suất của khoản vay theo Hợp Đồng Tín Dụng/Thỏa Thuận Chung Về Tiềm Ích liên quan là **BLR + Lãi Biên\***, Quý Khách vui lòng tham khảo thông tin BLR được áp dụng cho các khoản vay tương ứng dưới đây.

| Thời hạn<br>điều chỉnh lãi suất | USD BLR (%)                            |          | VND BLR (%)                            |          |
|---------------------------------|----------------------------------------|----------|----------------------------------------|----------|
|                                 | Áp dụng đ/v khoản vay<br>Trung/Dài hạn | Ngắn hạn | Áp dụng đ/v khoản vay<br>Trung/Dài hạn | Ngắn hạn |
| <b>Qua đêm</b>                  | 5.54                                   | 5.34     | 7.04                                   | 6.64     |
| <b>1 tuần</b>                   | 5.59                                   | 5.39     | 7.04                                   | 6.64     |
| <b>2 tuần</b>                   | 5.62                                   | 5.42     | 7.03                                   | 6.63     |
| <b>1 tháng</b>                  | 5.61                                   | 5.41     | 7.02                                   | 6.62     |
| <b>2 tháng</b>                  | 5.62                                   | 5.42     | 7.00                                   | 6.60     |
| <b>3 tháng</b>                  | 5.62                                   | 5.42     | 6.98                                   | 6.58     |
| <b>4 tháng</b>                  | 5.60                                   | 5.40     | 6.96                                   | 6.56     |
| <b>5 tháng</b>                  | 5.59                                   | 5.39     | 6.93                                   | 6.53     |
| <b>6 tháng</b>                  | 5.57                                   | 5.37     | 6.91                                   | 6.51     |
| <b>7 tháng</b>                  | 5.55                                   | 5.35     | 6.92                                   | 6.52     |
| <b>8 tháng</b>                  | 5.53                                   | 5.33     | 6.94                                   | 6.54     |
| <b>9 tháng</b>                  | 5.51                                   | 5.31     | 6.95                                   | 6.55     |
| <b>10 tháng</b>                 | 5.49                                   | 5.29     | 6.96                                   | 6.56     |
| <b>11 tháng</b>                 | 5.48                                   | 5.28     | 6.97                                   | 6.57     |
| <b>12 tháng</b>                 | 5.46                                   | 5.26     | 6.98                                   | 6.58     |

\* Lãi Biên được xác định theo Hợp Đồng Tín Dụng/Thỏa Thuận Chung Về Tiềm Ích.

**Lưu ý:**

Giám Đốc Quan Hệ Khách Hàng của Ngân Hàng sẽ thông báo riêng với Quý Khách BLR của khoản vay trong trường hợp:

- (i) Các khoản vay trị giá trên 150 tỷ VNĐ hoặc 05 triệu USD; và/hoặc
- (ii) Thời hạn điều chỉnh lãi suất trên 1 năm; và/hoặc
- (iii) Các khoản vay bằng các loại ngoại tệ khác.